

TỜ TRÌNH

Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thực hiện Thông báo số 111/TB-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung và công tác chuẩn bị Kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái nguyên khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2016; Thông báo số 608-TB/TU ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên.

2. Cơ quan lập đề xuất chủ trương đầu tư: Sở Xây dựng.

3. Đối tượng thụ hưởng dự án: Sau khi hoàn thành, dự án sẽ được nghiệm thu, quyết toán và bàn giao cho đơn vị khai thác, vận hành cùng với dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên theo quy định. Dự án góp phần giảm thiểu các chất ô nhiễm môi trường, tạo cảnh quan sinh thái cho khu vực xung quanh, là nơi tiến hành các hoạt động tập huấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho nhân dân, nhân dân thành phố Thái nguyên và khu vực lân cận được hưởng lợi từ dự án.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

5. Tổng vốn thực hiện dự án: Nguồn vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý: 14.870.797.000 đồng.

6. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2024.

7. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Quá trình triển khai xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án:

- Ngày 31/5/2021, UBND tỉnh có Quyết định số 1724/QĐ-UBND trong đó giao nhiệm vụ cho Sở Xây dựng lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên.

- Sở Xây dựng đã chủ trì, tổ chức lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công 2019 và Nghị định 40/2020/NĐ-CP.

- Ngày 09/6/2021, Sở Xây dựng có Tờ trình số 1623/TTr-SXD đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

2. Việc thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án:

- Ngày 22/6/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Báo cáo thẩm định số 1765/BC-SKHĐT về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên.

- Theo đánh giá tại Báo cáo thẩm định thì hiện nay dự án đã đủ điều kiện phê duyệt chủ trương đầu tư để tổ chức thực hiện theo quy định.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên.

2. Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 1765/BC-SKHĐT ngày 22/6/2021 về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên.

3. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định
phê duyệt chủ trương đầu tư dự án./hnx

Noi nhận:

- Như Kính gửi;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các Ban HĐND tỉnh;
 - Sở Xây dựng;
 - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
 - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CNN&XD, TH.
- p

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Xuân Trường

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

- Dự án nhằm đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên theo quy định.

- Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học là công trình với chức năng ứng phó, phòng ngừa sự cố, chỉ thị sinh học và xử lý sinh học nước thải sau khi qua Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng, tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường đối với việc vận hành Nhà máy.

- Việc xây dựng hồ và đưa vào sử dụng sẽ góp phần cải thiện chất lượng nước thải đầu ra của nhà máy (khâu xử lý sinh học tại hồ), giảm thiểu các chất ô nhiễm, ổn định chất lượng nước thải sau xử lý. Bên cạnh đó góp phần tạo cảnh quan sinh thái cho Nhà máy và khu vực xung quanh, là nơi tiến hành các hoạt động tập huấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho nhân dân.

2. Quy mô đầu tư:

- Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học được đầu tư xây dựng với quy mô diện tích sử dụng đất là 1,43 ha, nằm trong ranh giới diện tích của Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng; dung tích chứa nước tối đa: trên 24.000m³.

- Công trình gồm hai hồ chứa: Hồ số 1: Nằm ở phía Tây Bắc nhà máy, diện tích đất xây dựng là 6.596 m²; Hồ số 2: Nằm ở phía Đông Nam của nhà máy, diện tích hồ số 2 là 7.671m². Hai hồ được kết nối với nhau bằng đường ống D300mm.

- Lắp đặt các thiết bị bơm, van khóa, đường ống theo quy trình vận hành hồ khi có sự cố và trong chế độ hoạt động bình thường.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 14.870,797 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2024.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Quý I năm 2022 - Quý II năm 2022: lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình.

- Quý III năm 2022 - Quý IV năm 2024: lựa chọn nhà thầu, tổ chức thi công các hạng mục công trình; thanh quyết toán vốn đầu tư, đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thưởng trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày tháng 8 năm 2021./.

Noi nhận:

- Ủy ban Thưởng vụ Quốc hội (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Thủ trưởng trực Tỉnh uỷ (báo cáo);
- Thủ trưởng trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCDX-SXD

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên.

Kính gửi:

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật xây dựng số 62/2020/QH14 sửa đổi một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3452/QĐ-UB ngày 24/10/2000 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt dự án khả thi công trình: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên;

Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 11/7/2007 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án khả thi công trình: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 19/5/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025,

Sở Xây dựng trình UBND tỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên.
2. Dự án nhóm: Nhóm C
3. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên
4. Tên chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên.
5. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: **14.870.797.000** đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ tám trăm bảy mươi triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).
7. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án): 2021-2022
 - Quý II năm 2021 đến quý IV năm 2021: Công tác chuẩn bị đầu tư
 - Quý I năm 2022 đến quý IV năm 2022: Thi công và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

Các nội dung chủ yếu của dự án theo Điều 31 Luật Đầu tư công năm 2019, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan

Thành phố Thái Nguyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thái Nguyên, với 32 đơn vị hành chính phường, xã; diện tích 222,93 km² và dân số 341.707 người, là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

Trong những năm qua, hệ thống hạ tầng đô thị của thành phố luôn được quan tâm, đầu tư và dần hoàn thiện. Các công trình hạ tầng kỹ thuật như: Đường giao thông; hệ thống cấp điện, chiếu sáng; cây xanh; cấp nước; thoát nước được đầu tư cải tạo, nâng cấp đã cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng và tốc độ phát triển, tốc độ đô thị hóa của thành phố, góp phần nâng cao tiêu chí đô thị tương xứng với đô thị loại I. Trong đó phải kể đến hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cho thành phố đã sớm được các cấp, ngành quan tâm huy động mọi nguồn lực đầu tư, đặc biệt là dự án Thoát nước và Xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên được đầu tư bằng nguồn vốn ODA của chính phủ Pháp.

Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên được thực hiện theo Nghị định thư Việt Pháp năm 1998. Đây là dự án chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường, phục vụ dân sinh cho khu vực trung tâm phía bắc

thành phố Thái Nguyên, được tài trợ bằng nguồn vốn vay ODA của Pháp (Chính phủ Việt Nam vay và cấp phát lại cho tỉnh) và nguồn vốn đối ứng được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và cân đối của tỉnh Thái Nguyên.

Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng là một công trình thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên, được xây dựng và hoàn thành đưa vào vận hành, chạy thử vào cuối năm 2017. Nhà máy gồm 2 Modul với tổng công suất xử lý là 8.000m³/ng.đ (công suất mỗi Modul là 4.000m³/ng.đ). Để thu gom nước thải về Nhà máy sử dụng mạng lưới cống chính với tổng chiều dài trên 17km và 9 trạm bơm chuyển bậc.

Việc đầu tư xây dựng dự án Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên nhằm lưu trữ nước thải trong thời gian tối đa 03 ngày khi nhà máy xảy ra sự cố, hồ có khả năng lưu trữ để chờ quay vòng xử lý lại nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường. Ngoài ra, hồ còn nhằm mục đích kiểm nghiệm đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý. Đây là một hạng mục không thể thiếu trong quy trình xả thải của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định và cũng là một sự kiểm chứng để chứng minh về hệ thống trang thiết bị của nhà máy, kịp thời phát hiện khi hệ thống máy móc thiết bị của nhà máy khi bị hư hỏng hoặc vận hành chưa đúng quy chuẩn.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi đầu tư:

2.1. Mục tiêu đầu tư:

Việc đầu tư xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho hệ thống xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên nhằm các mục tiêu chính như sau:

- Thời điểm phê duyệt điều chỉnh bổ sung dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên vào thời điểm tháng 7/2007 khi Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 và Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 chưa có quy định phải xây dựng hồ sự cố đối với công trình xử lý nước thải sinh hoạt nên nội dung dự án Thoát nước thải thành phố Thái Nguyên chưa có hạng mục công trình hồ sự cố.

- Để xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án nêu trên phải có công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Khoản 10 Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019); Bên cạnh đó, tại Khoản 19, Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP quy định: "*Trường hợp khói lượng nước thải theo thiết kế từ 5.000 m³/ngày (24 giờ) trở lên phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải là hồ sự cố kết hợp hồ sinh học có khả năng lưu chứa nước thải tối thiểu là 03 ngày hoặc hồ sự cố kết hợp hồ sinh học có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, bảo*

đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải."

- Hồ xử lý sự cố kết hợp hồ sinh học là công trình với chức năng kiểm soát sự cố, chỉ thị sinh học và xử lý sinh học nước thải sau khi qua Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng. Hồ được xây dựng nhằm mục tiêu chính là đảm bảo thời gian lưu nước thải đầu vào tối đa trong 03 ngày khi trường hợp nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng xảy ra sự cố, không thể tiếp nhận và xử lý ngay nước thải thu gom trên địa bàn 9 phường của thành phố Thái Nguyên. Việc xây dựng Hồ sự cố cho phép chủ động áp dụng các giải pháp ứng phó khi có sự cố môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường đối với việc vận hành Nhà máy xử lý nước thải, đảm không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

- Việc xây dựng hồ và đưa vào sử dụng sẽ góp phần cải thiện chất lượng nước thải đầu ra của nhà máy (khâu xử lý sinh học tại hồ), giảm thiểu các chất ô nhiễm, ổn định chất lượng nước thải sau xử lý. Bên cạnh đó với diện tích mặt nước 1,43ha hồ còn góp phần tạo cảnh quan sinh thái cho Nhà máy và khu vực xung quanh, là nơi tiến hành các hoạt động tập huấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho nhân dân.

2.2. Quy mô, địa điểm đầu tư:

- Quy mô diện tích sử dụng đất: 1,43 ha

- Vị trí và ranh giới cụ thể: Hồ xử lý sự cố kết hợp hồ sinh học được đầu tư xây dựng trong ranh giới diện tích của Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng (Quy mô diện tích toàn bộ nhà máy là 10ha)

+ Phía Bắc: Giáp tháp truyền hình Thái Nguyên

+ Phía Nam: Giáp khu dân cư

+ Phía Đông: Giáp khu dân cư

+ Phía Tây: Giáp khu dân cư

- Dung tích chứa nước tối đa: trên 24.000m³

2.3. Các hạng mục đầu tư:

a) Thông số đầu vào thiết kế:

- Dung tích nước thường xuyên để xử lý sinh học tự nhiên: 4.829m³

- Dung tích tăng thêm để giải quyết sự cố: 24.584 m³

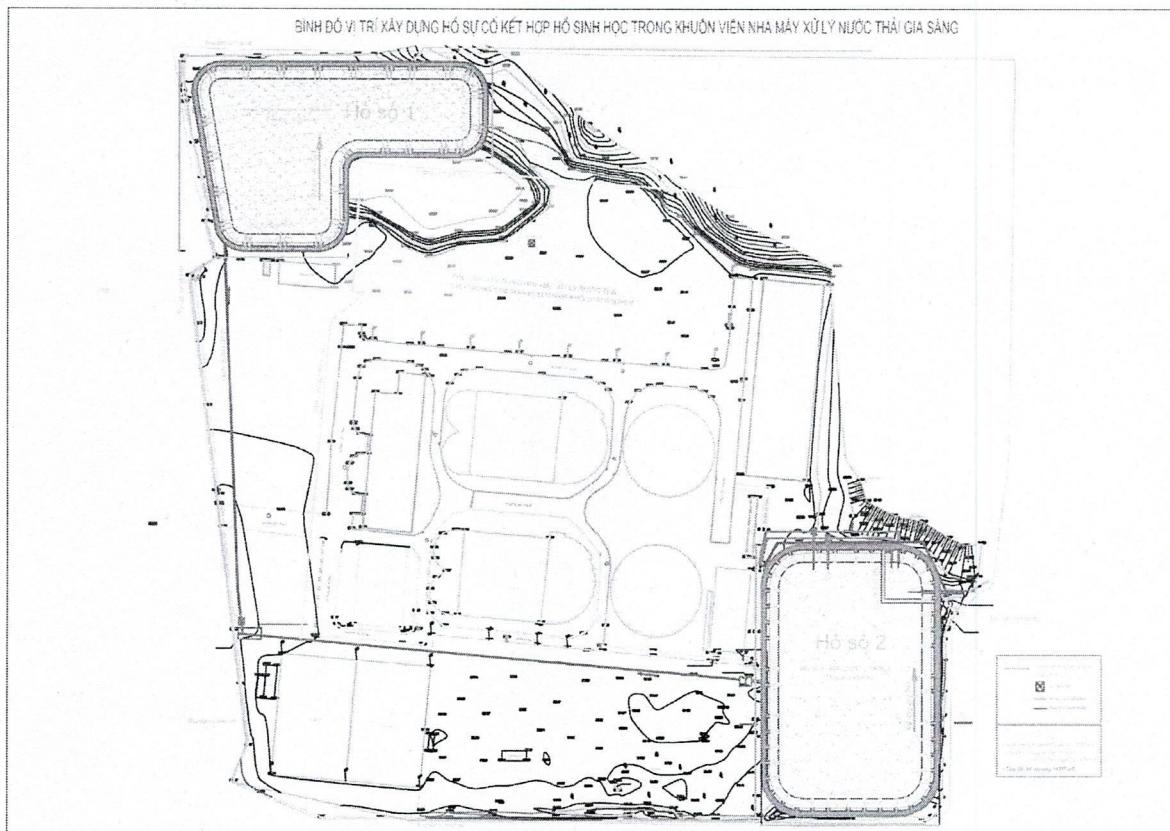
b) Các thông số kỹ thuật chính:

+ Diện tích chiếm chỗ (bao gồm lát bờ hồ rộng 2m): 1,43ha

+ Chiều sâu hồ: 4,0m (tính đến cột sân Nhà máy)

+ Chiều sâu mực nước tối đa: 2,8m

- + Mực nước thấp nhất trong hồ: 0,5m
- + Mực nước cao nhất trong hồ thấp hơn cao độ bờ tự nhiên khu vực là 1m; và thấp hơn cao độ nền khu dân cư lân cận nhỏ nhất là 0,2m.



b) Sơ bộ quy trình vận hành hồ:

- Quy trình khi không có sự cố, hồ ở trạng thái hoạt động bình thường (chức năng xử lý sinh học, chỉ thị): Hàng ngày sẽ thảm nước sau khi xử lý tại Nhà máy sẽ chảy vào hồ rồi qua bể quan trắc và thảm ra môi trường qua đường ống D1000.

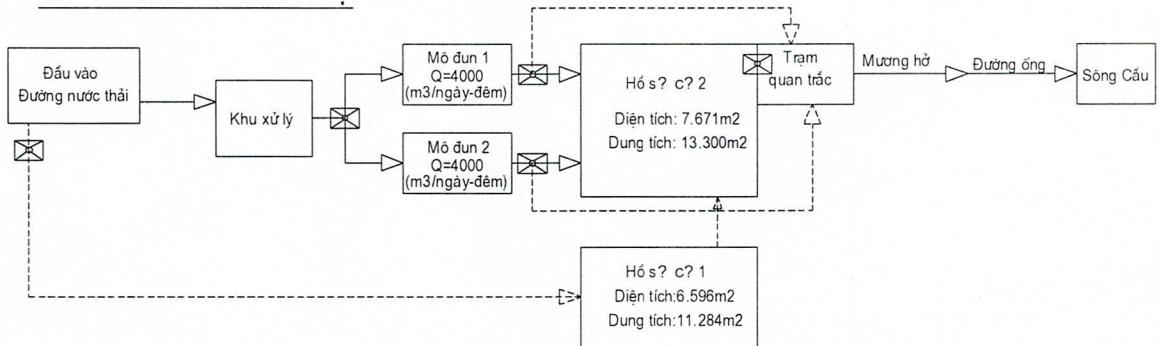
- Quy trình khi có sự cố:

+ Trường hợp một Modul của Nhà máy phải sửa chữa, bảo dưỡng hoặc sự cố không thể tiếp nhận nước thảm đầu vào: Lúc này sẽ đóng van điều tiết của bể quan trắc giữa hồ và bể, đóng van đường ống dẫn nước thảm sau xử lý vào hồ của modul còn lại và mở van cho nước vào thẳng bể quan trắc. Đóng van đường ống của mô đun sự cố với bể quan trắc và mở van cho nước thảm chưa xử lý chảy thẳng vào hồ để lưu chứa. Sau khi sửa chữa xong, tiến hành bơm cưỡng bức ngược nước từ hồ về bể đầu vào khu xử lý. Khi hoàn tất công tác sửa chữa lại thao tác theo quy trình ngược lại.

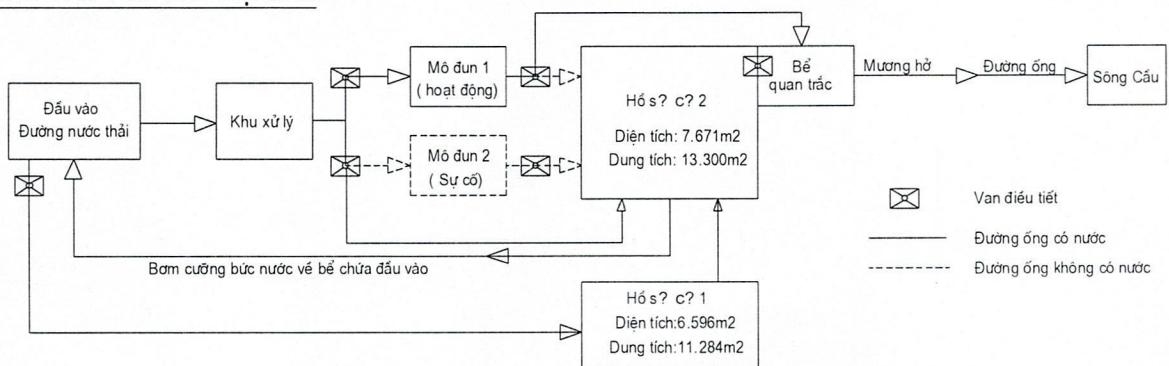
+ Trường hợp cả hai mô đun phải sửa chữa bảo dưỡng hoặc sự cố: Đóng van điều tiết nước vào hai modul, mở van cho nước thảm chưa xử lý chảy thẳng vào hồ để lưu chứa. Sau khi sửa chữa xong, tiến hành bơm cưỡng bức

ngược nước từ hồ về bể đầu vào khu xử lý. Khi hoàn tất công tác sửa chữa lại thao tác theo quy trình ngược lại.

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ



SƠ ĐỒ XỬ LÝ SỰ CỐ



c) Quy mô các hạng mục và kết cấu chính: Công trình gồm hai hồ chứa với tổng diện tích hai hồ 1,43ha

- Bố trí hai hồ: Một hồ nằm ở phía Tây Bắc và một hồ nằm ở phía Đông Nam nhà máy, hai hồ có nhiệm vụ chứa nước thải khi xảy ra sự cố và được kết nối với nhau bằng một đường ống D300mm, với các kích thước, hình dạng và quy mô kết cấu như sau:

+ Hồ số 1: Nằm ở phía Tây Bắc nhà máy, có hình dạng là một hình đa giác, tận dụng tối đa diện tích trống của nhà máy giáp gianh giới nhà máy với khu dân cư. Diện tích đất xây dựng là 6.596 m². Hồ được nối với hệ thống đường nước vào khu xử lý và đường ống kết nối với hồ số 2; Hồ này có nhiệm vụ chứa nước khi các modul xảy ra sự cố, dung tích chứa của hồ là 11.284 m³

+ Hồ số 2: Nằm ở phía Đông Nam của nhà máy, vị trí gần với đường thoát nước ra khu vực của nhà máy. Hồ số 2 nằm sau khu xử lý và có nhiệm vụ khi các modul xảy ra sự cố sẽ đóng van nước chảy ra môi trường và kết nối với đường ống chảy nước thải ra hồ để chứa. Trong hồ này bố trí thêm một bể quan trắc trước khi tháo nước ra môi trường, diện tích bể quan trắc là 410m². Diện tích tổng thể hồ số 2 là 7.671m²; Dung tích chứa của bể số 2 là 13.300m³.

- Kết cấu thiết kế 2 hồ như sau: Tường mái bờ hồ bố trí dạng mái nghiêng với hệ số mái dốc là $m=1,25$. Kết cấu bờ hồ gồm 3 lớp: lớp dưới cùng đặt tấm màng chống thấm HDPE dày 2mm sau đó rải cát dày 15cm sau cùng lắp đặt các tấm lát bê tông cốt thép M200 có khóa góc; kích thước tấm ($0,5 \times 0,5 \times 0,12$)m.

Đáy hồ sau khi tạo phẳng rải vải chống thấm HDPE loại HUITEX 2.0 sau đó rải cát dày 15cm và lắp đặt tấm bê tông M200 dày 15cm chia thành từng ô (2×2)m;

Xung quanh hồ có hệ thống lan can bảo vệ; phía ngoài hàng lan can bố trí đường đi bộ chiều rộng 2m, lát gạch block tự chèn. Trong hồ nuôi thả động thực vật thủy sinh như: Cá các loại, bèo lục bình ... với mật độ bao đảm không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước thải.

- Phần thiết bị, đường ống: Khi một mô đun của nhà máy cần xử lý sửa chữa bối trí Hai máy bơm có lưu lượng bơm từ 200 đến $300\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$; Đường ống bơm là hai ống HDPE đường kính D200mm, dài 300m; có nhiệm vụ bơm nước ngược từ hồ về khu vực tiền xử lý của nhà máy để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Các tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7957:2008; Thông tư 31/2016/TT-BTNMT; Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án.

3.1. Cơ sở lập tổng mức đầu tư

- Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 15/2020 ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Quyết định số 16/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành hệ thống định mức xây dựng công trình.

- Giá nhân công xác định theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 1/4/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên; Căn cứ bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình theo Quyết định số 1551/2020/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình (Công bố kèm theo Thông tư 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019);

Căn cứ Một số báo giá vật tư, thiết bị thị trường tại thời điểm lập khái toán;

Dự kiến quy mô xây dựng và các hạng mục đầu tư nêu trên.

Các văn bản về việc công bố chỉ số giá xây dựng của Nhà nước hiện hành.

3.2. Dự kiến tổng mức đầu tư (tạm tính): **14.870.797.000,0** đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ tám trăm bảy mươi triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

Trong đó:

STT	Hạng mục chi phí	Giá trị (đồng)
1	Chi phí giải phóng mặt bằng	0
2	Chi phí xây dựng	12.499.252.000
3	Chi phí QLDA	338.216.000
4	Chi phí tư vấn	1.086.050.000
5	Chi phí khác	239.146.000
6	Chi phí dự phòng	708.133.000
	Tổng chi phí	14.870.797.000

(Xem chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Báo cáo)

3.3. Nguồn vốn: Ngân sách địa phương cân đối giai đoạn 2021-2025.

3.4. Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công: Dự kiến kế hoạch bố trí vốn thực hiện theo kế hoạch vốn được giải ngân.

4. Dự kiến tiến độ, triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn:

4.1. Dự kiến tiến độ và triển khai thực hiện:

- Thời gian thực hiện từ Quý II/2021 đến Quý IV/2022.

- Tiến độ cụ thể như sau:

+ Lập và trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

Quý II/2021

+ Khảo sát, thiết kế lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật:

Quý II-III/2021

+ Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, các thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và khởi công xây dựng công trình:

Quý IV/2021

+ Tổ chức thi công xây dựng công trình:

Quý I-III/2022

- + Hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: Quý IV/2022
- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới
 - Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.
 - Thẩm định, phê duyệt dự án: Theo quy định hiện hành.
 - Phương thức thực hiện dự án :
 - + Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo qui định hiện hành.
 - + Phương thức áp dụng: Theo quy định hiện hành.

4.2. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn

STT	Năm	Tiến độ thực hiện	Nhu cầu vốn (đồng)
1	2021	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị đầu tư - Khởi công xây dựng: dự kiến hoàn thành 40% khối lượng công trình 	6.000.000.000
2	2022	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thi công xây dựng, bàn giao đưa vào sử dụng, quyết toán công trình 	8.870.797.000
Tổng cộng:			14.870.797.000

Kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả. Việc quản lý vốn thực hiện theo sự phân công quản lý nhà nước đối với các dự án từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

5.1. Chi phí quản lý

Chi phí quản lý dự án được trích từ chi phí trong tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5.2. Chi phí vận hành: Sử dụng từ nguồn thu phí dịch vụ thoát nước.

5.3. Chi phí bảo trì, bảo dưỡng: Bảo trì, bảo dưỡng công trình sử dụng từ nguồn thu phí dịch vụ thoát nước.

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

6.1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội

a) Đánh giá tác động môi trường và biện pháp khắc phục:

+ Môi trường không khí:

Công tác thi công được thực hiện một phần trong mùa hè nóng, nhiệt độ cao sẽ tạo nên nguy cơ ô nhiễm nhiệt. Giới hạn cân bằng của bức xạ nhiệt bị thay đổi có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ thực vật, đến môi trường sống của các khu dân cư lân cận. Không khí nóng nhiệt độ tăng cao có thể ảnh hưởng tới sức khoẻ của người dân trong khu vực.

Trong quá trình thi công công trình, ô nhiễm bụi là một trong những tác động môi trường phải tính đến. Việc thi công tại tuyến công trình nếu gặp phải các lớp địa chất với thành phần cát bột sét nhỏ (dưới 1mm) tạo ra tình trạng phát tán các hạt bụi tới 2km, ở độ cao 20m khi gặp gió 10m/s. Hậu quả là sẽ hình thành một vùng phủ bụi rộng hàng ki lô mét.

Việc tập trung một số phương tiện vận chuyển và máy móc thi công cũng là nguồn phát sinh một lượng lớn khí thải, tiếng ồn tại khu vực thi công, tạo nên ô nhiễm cục bộ ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân và người dân sinh sống gần khu vực thi công và dọc theo các tuyến đường vận tải.

+ Tiếng ồn:

Trong giai đoạn thi công cũng như trong quá trình vận hành các công trình, tiếng ồn phát sinh từ trạm trộn bê tông, từ các phương tiện vận chuyển đất và từ dòng xe trên đường sẽ làm trầm trọng hơn mức độ ô nhiễm tiếng ồn.

+ Hệ sinh thái: Dự án không nằm trong khu vực nhạy cảm của môi trường như khu quần tụ chim muông, thú hiếu hay rừng nguyên sinh.

+ Ô nhiễm đất và sử dụng đất:

Khi thi công phải đào một lượng đất lớn làm hò, khói lượng đất này sẽ được vận chuyển đến đúng nơi quy định.

Hoạt động vận chuyển đất đào, vật liệu xây dựng kè hò, các vật tư khác trên đường với lưu lượng xe tăng đột biến sẽ thải ra lượng bụi, chì cùng với dầu mỡ v.v... là những nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước và đất canh tác.

+ Kinh tế - xã hội:

Hoạt động xây dựng với một khối lượng lớn đất đào, khu lán trại công nhân tuy không ảnh hưởng lớn đến sản xuất, nhưng cũng ít nhiều gây xáo trộn trong cơ cấu quỹ đất của địa phương trong thời gian thi công.

Quá trình thi công đòi hỏi việc tập trung một số lượng lớn lao động từ nơi khác tới có thể gây xung đột giữa lực lượng công nhân và người dân trong

phường. Do vậy khôi nhân công này phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý hành chính và quản lý nhân khẩu.

* Các biện pháp khắc phục tác động tiêu cực của dự án đến môi trường:

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Chủ đầu tư dự án sẽ thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định hiện hành (nếu có).

- Trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (hoặc để xuất Kế hoạch bảo vệ môi trường), chủ dự án tiến hành tham vấn Ủy ban nhân dân phường Gia Sàng, các tổ chức và cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án; nghiên cứu, tiếp thu những ý kiến khách quan, kiến nghị hợp lý của các đối tượng liên quan được tham vấn để hạn chế thấp nhất tác động bất lợi của dự án đến môi trường tự nhiên đa dạng sinh học và sức khỏe cộng đồng.

- Trong quá trình thi công, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, xây dựng biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực như tiếng ồn, bụi bẩn, nước thải, khí thải, rác thải, cụ thể như sau:

+ Bụi và khí thải: Nhà thầu sẽ kiểm soát bụi bằng cách thường xuyên phun nước trên những tuyến đường trong khi thi công nhưng không phun quá nhiều gây bùn cuốn trôi. Trang bị cho công nhân các trang thiết bị lao động như khẩu trang, găng tay để đảm bảo sức khoẻ lao động. Nhà thầu phải kiểm tra tất cả các máy móc thiết bị tại hiện trường và thực hiện điều chỉnh và sửa chữa cần thiết đáp ứng yêu cầu đảm bảo môi trường và yêu cầu an toàn khi thi công. Đảm bảo các xe chuyên chở vật liệu lưu thông trên đường phải được che chắn phủ kín để tránh phát tán bụi.

+ Nước thải: Đảm bảo không để nước rửa máy móc thiết bị chảy vào nguồn nước suối hoặc kênh mương.

Nhà thầu phải đảm bảo các dòng chảy do nước mưa không được xả trực tiếp vào nguồn nước, suối hoặc kênh, sử dụng bể lăng hoặc chắn bùn nếu yêu cầu.

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả các nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý triệt để trước khi hoà vào nguồn thải chung. Không đổ chất thải rắn vào nguồn nước.

+ Chất thải rắn:

Nhà thầu phải đảm bảo không được đổ bát cứ đá, mảnh vụn phát sinh trong hoạt động thi công kể cả các chất thải phát sinh do vận chuyển máy móc ra các khu vực đất công cộng hoặc của cá nhân mà chưa được sự chấp thuận của chủ sở hữu.

Rác thải sinh hoạt và xây dựng phải được thu gom hàng ngày và đổ vào đúng nơi quy định được sự chấp thuận của chính quyền địa phương.

+ Tiếng ồn:

Đảm bảo máy móc sử dụng trong thi công là loại giảm tiếng ồn có hiệu quả nhất.

Đảm bảo tất cả các máy móc thiết bị thi công đều được trang bị thiết bị giảm thanh hợp lý.

Nếu có nhu cầu thi công ban đêm thì chỉ được tiến hành các loại công việc ít gây ồn và thông báo trước cho người dân địa phương.

b) *Tác động về mặt xã hội:*

Việc xây dựng công trình sẽ tạo thêm công ăn việc làm trực tiếp và gián tiếp cho nhân dân địa phương.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án sẽ không thể tránh khỏi một số tác động tiêu cực đến môi trường kinh tế xã hội trong khu vực như: Sức khoẻ của nhân dân có thể bị ảnh hưởng do tác động của ô nhiễm bụi, tiếng ồn, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt và có khả năng chịu ảnh hưởng của các sự cố giao thông có thể phát sinh trong quá trình vận hành công trình.

Hoạt động xây dựng với một khối lượng lớn đất đào, khu lán trại công nhân tuy không ảnh hưởng lớn đến sản xuất, nhưng cũng ít nhiều gây xáo trộn trong cơ cấu quỹ đất của địa phương trong thời gian thi công.

Quá trình thi công đòi hỏi việc tập trung một số lượng lớn lao động từ nơi khác tới có thể gây xung đột giữa lực lượng công nhân và người dân trong phường. Do vậy khối nhân công này phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý hành chính và quản lý nhân khẩu.

6.2. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

- Dự án sẽ giúp bảo vệ môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố dây truyền xử lý nước thải, góp phần phát triển bền vững kinh tế xã hội, cải thiện môi trường sinh thái trong khu vực.

- Hạn chế ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân ở hạ lưu Sông Cầu khi xảy ra sự cố.

- Dự án hoàn thành sẽ góp phần giảm nhẹ các tác hại do sự cố xảy ra tại Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng gây ra, tránh việc nước thải chưa qua xử lý xả trực tiếp ra Sông Cầu, bảo vệ nguồn nước hạ lưu Sông Cầu.

7. Phân chia các dự án thành phần (nếu có): Không

8. Giải pháp tổ chức thực hiện

8.1. Phương án giải phóng mặt bằng:

Dự án đầu tư xây dựng: Hồ xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên nằm trong khuôn viên nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng nên không phải thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

8.2. Phương án khai thác dự án

Sau khi các hạng mục công trình được đầu tư và bàn giao đưa vào sử dụng, UBND tỉnh sẽ giao cho đơn vị khai thác sử dụng hiệu quả theo đúng quy định và thực hiện việc bảo trì công trình theo đúng quy trình bảo trì đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8.3. Quản lý quy hoạch kiến trúc xây dựng

Chủ đầu tư có trách nhiệm đảm bảo quản lý việc thực hiện dự án theo đúng phương án kiến trúc quy hoạch, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong suốt thời gian thực hiện đầu tư xây dựng dự án.

8.4. Quản lý vận hành công trình

Sau khi hoàn thành công tác xây dựng, công trình đi vào hoạt động, Chủ đầu tư, đơn vị sử dụng có trách nhiệm vận hành sử dụng công trình đúng mục đích đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

III. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Việc đầu tư xây dựng Hồ xử lý sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên là cần thiết, đáp ứng yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường với công trình xử lý nước thải. Đầu tư dự án giúp phòng ngừa các nguy cơ về môi trường khi Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng gặp sự cố, đồng thời góp phần tăng hiệu quả xử lý nước thải đầu ra của Nhà máy, tạo cảnh quan cho khu vực.

Với các nội dung trên, Sở Xây dựng báo cáo, kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, báo cáo UBND tỉnh Thái Nguyên trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư cho dự án theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

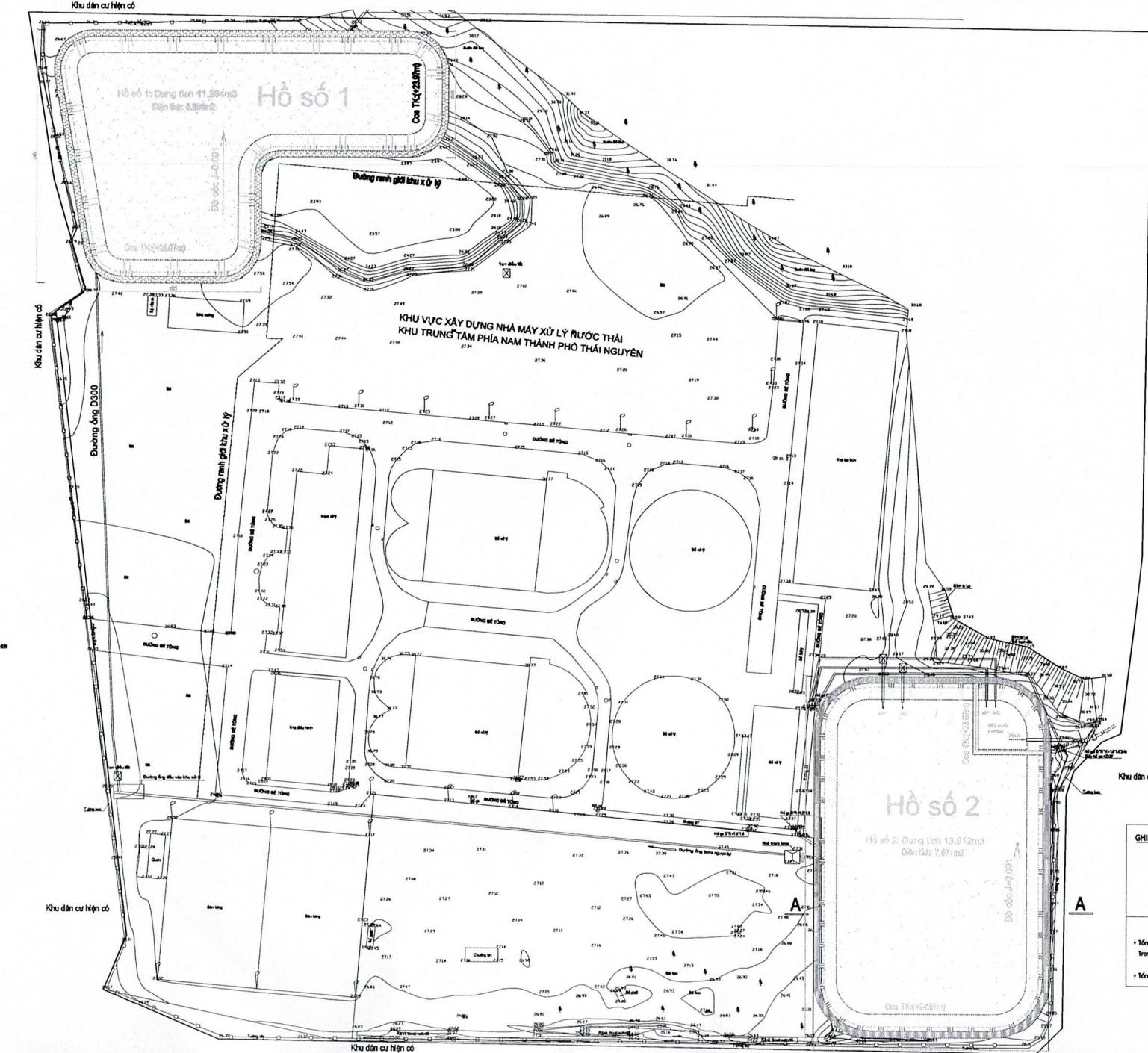
- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, QLN&PTĐT

(D).10b.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Đức Khánh

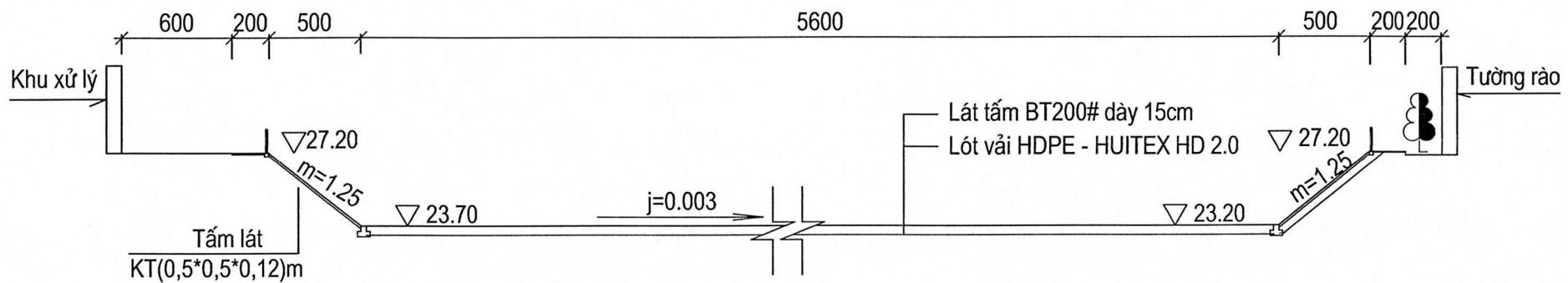
BÌNH ĐỒ VỊ TRÍ XÂY DỰNG HỒ SỰ CỐ KẾT HỢP HỒ SINH HỌC TRONG KHUÔN VIÊN NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI GIA SÀNG



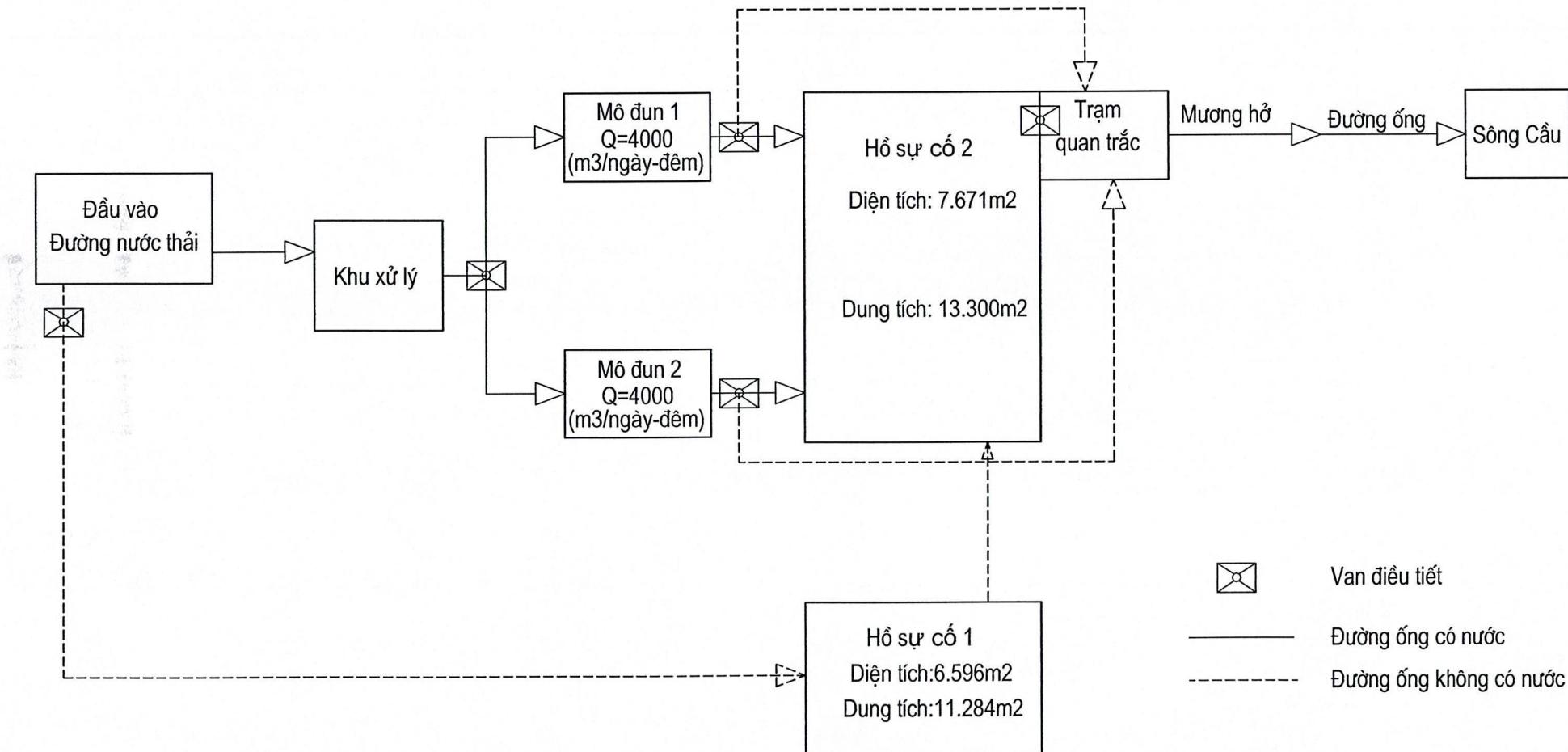
CHI TIẾT MÁI KÈ BỜ HỒ



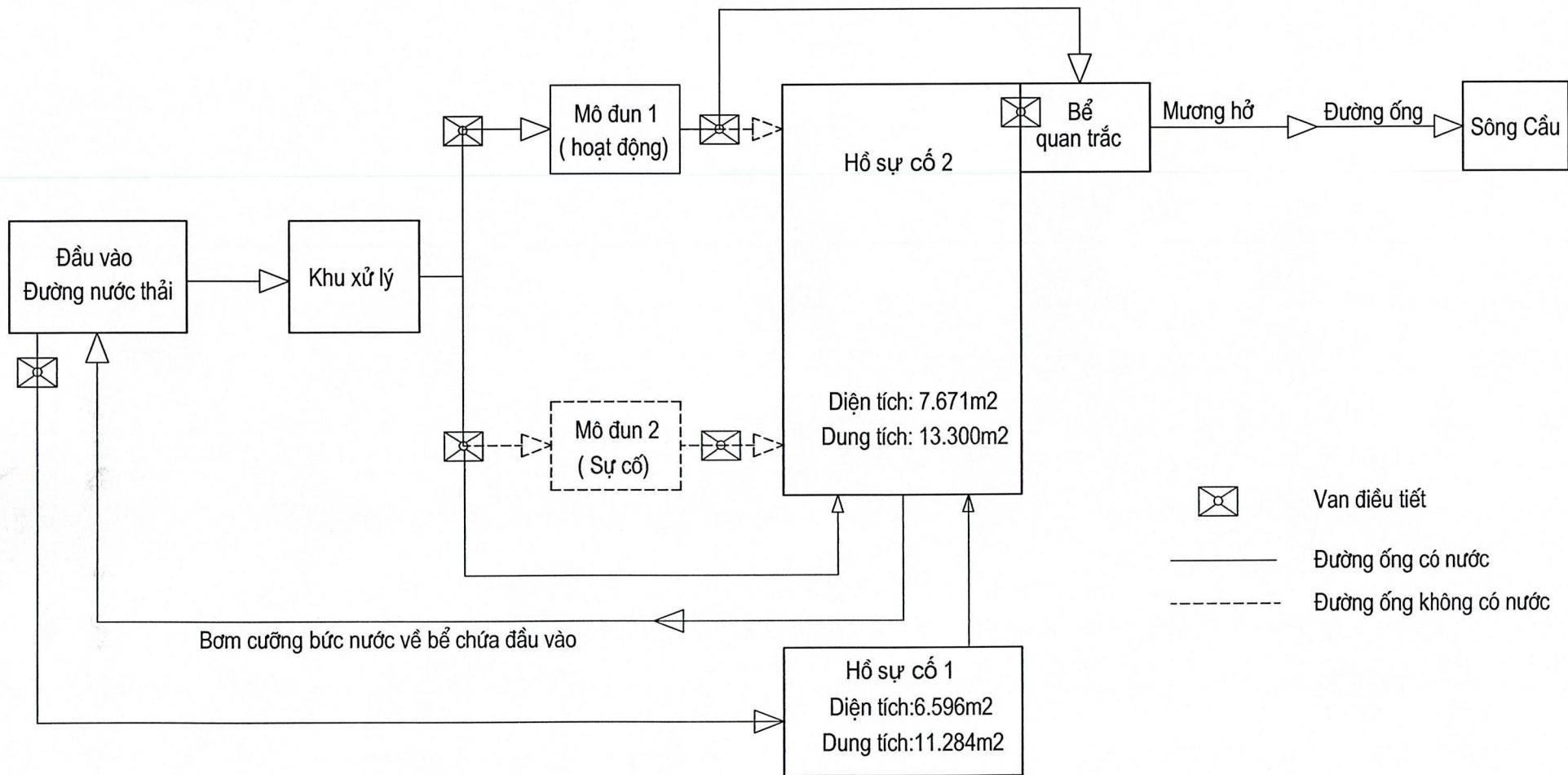
Mặt cắt ngang đại diện



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ KHI NHÀ MÁY HOẠT ĐỘNG BÌNH THƯỜNG



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ KHI NHÀ MÁY XÂY RA SỰ CỐ



ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC BÌNH THƯỜNG

- + Nước trong khu xử lý có hai môđun qua hai đường ống chảy vào hồ chứa sau đó ra bể quan trắc sau đó thải ra môi trường

ĐIỀU KIỆN KHI MỘT MÔ ĐUN PHẢI XỬ LÝ SỰ CỐ

- Khi một môđun bị sự cố: Đóng van nước của hồ ra bể quan trắc; tháo van chuyển nước thải ra hồ - sau đó bơm ngược lại vào đường ống trước khu xử lý. Thời gian để sửa chữa một môđun là 6 ngày.
- Môđun còn lại được chuyển nước thẳng ra bể quan trắc và thải ra môi trường.

ĐIỀU KIỆN KHI HAI MÔ ĐUN PHẢI XỬ LÝ SỰ CỐ

- Đóng hết van từ hồ và bể quan trắc; cho nước vào hồ và bơm ngược lại đầu khu xử lý (Thời gian là 3 ngày)

CAO ĐỘ MỤC NƯỚC VÀ DUNG TÍCH TƯƠNG ỨNG CỦA HỒ

Hồ 1	Cao độ (m)	Chiều cao (m)	Diện tích (m^2)	Dung tích chứa bù sung (m^3)	Dung tích chết (m ³)	Ghi chú
	23,47	0,00	4.244			CĐ đáy
	23,97	0,50	4.443		2.172	CĐ MN Chết
	24,47	1,00	4.641	2.271		
	24,97	1,50	4.845	4.642		
	25,47	2,00	5.048	7.115		
	25,97	2,50	5.257	9.692		
	26,27	2,80	5.362	11.284		MN chứa max
	26,47	3,00	5.466			
	27,20	3,73				CĐ bờ hồ
CĐ khu dân	26,40	m				
Hồ 1	Cao độ (m)	Chiều cao (m)	Diện tích (m^2)	Dung tích chứa bù sung (m^3)	Dung tích chết (m ³)	Ghi chú
	23,47	0,00	5.231,0			CĐ đáy
	23,97	0,50	5.396,5		2.657	CĐ MN Chết
	24,47	1,00	5.562,0	2.740		
	24,97	1,50	5.731,5	5.563		
	25,47	2,00	5.901,0	8.471		
	25,97	2,50	6.074,0	11.465		
	26,27	2,80	6.160,5	13.300		MN chứa max
	26,47	3,00	6.247,0			
	27,20	3,73				CĐ bờ hồ
			Tổng dung tích:	24.584	4.829	

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2021

THUYẾT MINH KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước
và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên.**

I/ CƠ SỞ LẬP KHÁI TOÁN:

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
 - Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP Ngày 10/4/2019 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
 - Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
 - Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
 - Thông tư số 15/2020 ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
 - Quyết định số 16/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình.
 - Thông tư 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành hệ thống định mức xây dựng công trình.
 - Giá nhân công xác định theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 1/4/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên; Căn cứ bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình theo Quyết định số 1551/2020/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Căn cứ định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình (Công bố kèm theo Thông tư 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019);

Căn cứ Một số báo giá vật tư, thiết bị thi trường tại thời điểm lập khái toán;

Dự kiến quy mô xây dựng và các hạng mục đầu tư nêu trên.

Các văn bản về việc công bố chỉ số giá xây dựng của Nhà nước hiện hành.

II/ GIÁ TRỊ KHÁI TOÁN LÀM TRÒN: 14.870.797.000,0 đồng

(*Bằng chữ: Mười bốn tỷ tám trăm bảy mươi triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

Trong đó:

STT	Hạng mục chi phí	Giá trị (đồng)
1	Chi phí giải phóng mặt bằng	0
2	Chi phí xây dựng	12.499.252.000
3	Chi phí QLDA	338.216.000
4	Chi phí tư vấn	1.086.050.000
5	Chi phí khác	239.146.000
6	Chi phí dự phòng	708.133.000
	Tổng chi phí	14.870.797.000

PHỤ LỤC SỐ 01: BẢNG TỔNG HỢP KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN ĐTXD : HÒ SỰ CỐ KẾT HỢP HỒ SINH HỌC CHO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Đơn vị tính: (đ)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gcpxd			11.362.955.940	1.136.295.594	12.499.251.534
1.1	<i>Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công</i>	<i>Gxd</i>			<i>11.362.955.940</i>	<i>1.136.295.594</i>	<i>12.499.251.534</i>
	+ HẠNG MỤC 1	Gxd.1			11.362.955.940	1.136.295.594	12.499.251.534
2	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	2,706 %	2,70589% x (Gxd+Gtb)	307.469.088	30.746.909	338.215.997
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv		Gtv1 : Gtv35	987.317.980	98.731.798	1.086.049.778
3.1	<i>Chi phí khảo sát</i>	<i>Gtv1</i>			<i>181.818.182</i>	<i>18.181.818</i>	<i>200.000.000</i>
3.2	<i>Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng</i>	<i>Gtv2</i>	<i>3,000 %</i>	<i>3%*Gtv1</i>	<i>5.454.545</i>	<i>545.455</i>	<i>6.000.000</i>
3.3	<i>Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng</i>	<i>Gtv3</i>	<i>4,072 %</i>	<i>4,072%*Gtv1</i>	<i>7.403.636</i>	<i>740.364</i>	<i>8.144.000</i>
3.4	<i>Chi phí Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Thông tư 195/2016/TT-BTC)</i>	<i>Gtv4</i>			<i>12.500.000</i>	<i>1.250.000</i>	<i>13.750.000</i>
3.5	<i>Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật</i>	<i>Gtv5</i>	<i>3,182 %</i>	<i>3,18185% x (Gxd+Gtb)</i>	<i>361.552.214</i>	<i>36.155.221</i>	<i>397.707.435</i>
3.6	<i>Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phản thiết kế</i>	<i>Gtv6</i>	<i>0,194 %</i>	<i>0,19359% x Gxd</i>	<i>21.997.546</i>	<i>2.199.755</i>	<i>24.197.301</i>
3.7	<i>Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phản dự toán</i>	<i>Gtv7</i>	<i>0,188 %</i>	<i>0,18759% x Gxd</i>	<i>21.315.769</i>	<i>2.131.577</i>	<i>23.447.346</i>
3.8	<i>Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng</i>	<i>Gtv8</i>	<i>0,379 %</i>	<i>0,37941% x GXD(Dự toán gói thầu)</i>	<i>43.112.986</i>	<i>4.311.299</i>	<i>47.424.285</i>

3.9	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv9		0,1%*GGTXD (Dự toán gói thầu)	14.184.531	1.418.453	15.602.984
3.10	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-	Gtv10		0,05%*GGTXD (Dự toán gói thầu)	7.092.266	709.227	7.801.493
3.11	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv11		0,1%*GGTXD (Dự toán gói thầu)	14.184.531	1.418.453	15.602.984
3.12	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv12		0,05%*GGTXD (Dự toán gói thầu)	7.092.266	709.227	7.801.493
3.13	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv13		0,02%*GGTXD (Dự toán gói thầu)	2.836.906	283.691	3.120.597
3.14	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv14	2,524 %	2,52375% x Gxd	286.772.601	28.677.260	315.449.861
4	Chi phí khác	Gk		Gk1 : Gk9	217.405.675	21.740.567	239.146.242
4.1	Phí thẩm định thiết kế (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk1	0,126 %	0,126% x Gxd	14.317.324	1.431.732	15.749.056
4.2	Phí thẩm định dự toán (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk2	0,122 %	0,122% x Gxd	13.862.806	1.386.281	15.249.087
4.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk3	0,382 %	0,382% x TMĐT	57.267.227	5.726.723	62.993.949
4.4	Chi phí kiểm toán độc lập	Gk4	0,630 %	0,63% x TMĐT	94.460.564	9.446.056	103.906.620
4.5	Phí bảo hiểm công trình (Phụ lục 7 - Thông tư 329/2016/TT-BTC)	Gk5	0,330 %	0,33% x Gxd	37.497.755	3.749.775	41.247.530
5	Chi phí dự phòng	Gdp		Gdp1 + Gdp2	643.757.434	64.375.743	708.133.178
5.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khói lượng phát sinh	Gdp1	5,000 %	5% x (Gcpxd+Gtb+Gqld a+Gtv+Gk)	643.757.434	64.375.743	708.133.178
TỔNG CỘNG LÀM TRÒN		Gtmdt			13.518.906.116	1.351.890.612	14.870.796.728
							14.870.797.000

Bảng chữ : Mười bốn tỷ tám trăm bảy mươi triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn.

BẢNG TỔNG HỢP KHÁI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG
DỰ ÁN ĐTXD : HÒ SỰ CỐ KẾT HỢP HỒ SINH HỌC CHO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	<i>Chi phí Vật liệu</i>	<i>VL</i>	A	6.332.068.106
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	4.998.818.338
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	1.333.249.768
	Cộng	A	A1 + CL	6.332.068.106
2	<i>Chi phí Nhân công</i>	<i>NC</i>	B1	3.208.516.956
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	3.208.516.956
3	<i>Chi phí Máy thi công</i>	<i>M</i>	C1	717.104.796
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	717.104.796
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	10.257.689.858
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	T x 5%	512.884.493
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	512.884.493
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 5,5%	592.381.589
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	11.362.955.940
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 10%	1.136.295.594
V	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G+GTGT	12.499.251.534
	LÀM TRÒN			12.499.252.000
<i>Bảng chữ : Mười hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn./.</i>				

BẢNG KHÁI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG
DỰ ÁN ĐTXD : HÒ SỰ CÓ KẾT HỢP HỒ SINH HỌC CHO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

ST T	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác / Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)			Thành tiền (đ)		
					Vật liệu	Nhân công	Máy T.C	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	HM	HẠNG MỤC 1								
1	AF.11223	Đỗ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng > 250 cm, đá 1x2, mác 200	m3	1.059,4980	741.510	313.858	48.767	785.628.362	332.531.923	51.668.539
2	AF.11213	Đỗ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 200	m3	118,2280	713.262	260.841	48.767	84.327.540	30.838.710	5.765.625
3	AG.11413	Đỗ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, đá 1x2, mác 200	m3	382,8220	702.807	453.411	27.201	269.049.981	173.575.706	10.413.141
4	AG.42121	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng <= 100 kg (ĐG 1312/2017 quy định Vữa theo ĐM 1329/2016/QĐ-BXD)	cái	12.571,20	4.550	52.716		57.198.960	662.703.379	0
5	AF.12313	Đỗ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, đá 1x2, mác 200	m3	33,9240	713.262	619.173	70.817	24.196.700	21.004.825	2.402.396
6	AF.15413	Đỗ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông mặt đường, chiều dày mặt đường <=25 cm, đá 1x2, mác 200	m3	341,660	818.501	317.703	71.384	279.649.052	108.546.407	24.389.057
7	AF.12213	Đỗ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cột, tiết diện cột <= 0,1m2, chiều cao <= 6m, đá 1x2, mác 200	m3	7,6120	741.510	730.485	70.817	5.644.374	5.560.452	539.059

ST T	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác / Diện giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)			Thành tiền (đ)		
					Vật liệu	Nhân công	Máy T.C	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
8	AF.12173	Đỗ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông tường chiều dày > 45cm, chiều cao <= 6m, đá 2x4, mác 200	m3	855,470	723.835	533.370	70.817	619.219.128	456.282.034	60.581.819
9	AB.13411	Dập cát công trình bằng thủ công, dập nền móng công trình	m3	537,2180	290.209	94.360		155.905.499	50.691.891	0
10	AK.55410	Lát gạch đất nung kích thước gạch <= 0,09m2, vữa XM mác 75	m2	1.173,920	65.440	37.698		76.821.325	44.254.436	0
11	AG.13231	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	tấn	19,0375	11.525.965	4.174.625	98.724	219.425.559	79.474.423	1.879.458
12	AF.61521	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép <= 18mm, chiều cao <= 6m	tấn	24,1789	11.730.251	2.142.756	499.068	283.624.566	51.809.483	12.066.915
13	AF.61421	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép <= 18mm, chiều cao <= 6m	tấn	2,1850	11.732.627	2.138.118	509.079	25.635.790	4.671.788	1.112.338
14	AF.82511	Ván khuôn thép. Ván khuôn móng dài	100m2	16,2787	1.225.786	3.083.742	310.117	19.954.203	50.199.311	5.048.302
15	AG.32511	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn nắp đan, tấm chống	100m2	30,6029	532.053	5.804.986	128.474	16.282.365	177.649.406	3.931.677
16	AF.82511	Ván khuôn thép. Ván khuôn móng dài	100m2	3,3924	1.225.786	3.083.742	310.117	4.158.356	10.461.286	1.052.041
17	AF.82411	Ván khuôn thép. Ván khuôn mặt đường	100m2	3,4184	467.983	2.894.941	158.840	1.599.753	9.896.066	542.979
18	AF.82111	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn tường, cột vuông, cột chữ nhật, xà dầm, giằng, cao <=16 m	100m2	2,0275	2.710.425	8.071.912	588.907	5.495.387	16.365.802	1.194.009

ST T	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác / Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)			Thành tiền (đ)		
					Vật liệu	Nhân công	Máy T.C	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
19	AF.82111	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn tường, cột vuông, cột chữ nhật, xà dầm, giằng, cao <=16 m	100m2	16,060	2.710.425	8.071.912	588.907	43.529.426	129.634.907	9.457.846
20	BB.14305	Lắp đặt ống thép tráng kẽm nối bằng phương pháp măng sông Đoạn ống dài 8m, đường kính ống d=67mm	100m	22,6160	15.929.043	3.720.906		360.251.237	84.152.010	0
21	AL.16122	Rải vải địa kỹ thuật làm móng công trình	100m2	102,5354	1.224.224	250.452		125.526.298	25.680.196	0
22	TT	Nilon tái sinh	m2	1.898,160	3.000			5.694.480	0	0
23	TT	Van điều tiết	cái	1,0	30.000.000			30.000.000	0	0
24	AB.25413	Đào móng công trình, chiều rộng móng > 20m, bằng máy đào 0,8m3, đất cấp III	100m3			339.696	916.412	0	0	0
25	AB.25423	Đào móng công trình, chiều rộng móng > 20m, bằng máy đào 1,25m3, đất cấp III	100m3	554,4528		329.212	856.808	0	182.532.515	475.059.595
26	TT	Trạm bơm + đường ống	trạm	1,0	1.500.000.000	500.000.000	50.000.000	1.500.000.000	500.000.000	50.000.000
	THM	Tổng cộng: HẠNG MỤC 1						4.998.818.338	3.208.516.956	717.104.796

Số: 1765 /BC-SKHĐT

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên

Kính gửi: Sở Xây dựng

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Tờ trình số 1623/TTr-SXD ngày 09/6/2021 Sở Xây dựng về việc thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước thải TPTN và các hồ sơ tài liệu kèm theo, trên cơ sở ý kiến tham gia của các Sở, ngành tại Biên bản Hội nghị thẩm định ngày 14/6/2021 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Xây dựng và Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên. Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm định như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình số 1623/TTr-SXD ngày 09/6/2021 Sở Xây dựng về việc thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước thải TPTN

2. Báo cáo số 1622 /BCDX-SXD ngày 09/6/2021 của Sở Xây dựng về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước thải thành phố Thái Nguyên.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 27/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 3525/UBND-CNN ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Nghiên cứu, tham mưu đề xuất lập Đề án xả nước thải vào nguồn nước; lắp đặt thiết bị quan trắc thải tự động và xây dựng hồ kiểm chứng nước thải thuộc dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 4491/UBND-TH ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Lập đề án xả nước thải; lắp đặt thiết bị quan trắc thải tự động và xây dựng hồ kiểm chứng nước thải thuộc dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản liên ngành 14/6/2021 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp và Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước thải thành phố Thái Nguyên.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
2. Đơn vị phối hợp thẩm định: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp.
3. Hình thức thẩm định: Hội nghị thẩm định liên ngành.

Phần thứ hai:

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ: XÂY DỰNG HỒ SỰ CỐ KẾT HỢP HỒ SINH HỌC CHO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CƠ QUAN/HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

- 1. Tên dự án đầu tư:** Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước thải thành phố Thái Nguyên.
- 2. Dự án nhóm:** Dự án nhóm C.
- 3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:** Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- 4. Cấp quyết định đầu tư dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- 5. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên
- 6. Địa điểm thực hiện dự án:** Nằm trong khuôn viên Nhà máy xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên thuộc phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.
- 7. Dự kiến tổng mức đầu tư:** 14.870.797.000 đồng

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Vốn xây dựng cơ bản tập trung từ nguồn Ngân sách tỉnh (*Văn bản số 4491/UBND-TH ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên*)

9. Ngành, lĩnh vực, công trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Hạ tầng kỹ thuật.

10. Thời gian thực hiện: Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên đề xuất giai đoạn 2021-2022.

11. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư công.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHÓI HỢP THẨM ĐỊNH

Sau khi nghe Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên báo cáo các nội dung liên quan các Sở, ngành đã thảo luận và thống nhất với các nội dung như sau:

1. Về chủ trương đầu tư dự án đầu tư công

1.1. Sự cần thiết đầu tư dự án:

Việc đầu tư dự án Xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước thải thành phố Thái Nguyên nhằm lưu trữ nước thải trong thời gian 3 ngày khi nhà máy xảy ra sự cố, hồ có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường. Ngoài ra, hồ còn nhằm mục đích kiểm nghiệm đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý. Đây là một hạng mục không thể thiếu trong quy trình xả thải của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định và cũng là một sự kiểm chứng để chứng minh về hệ thống trang thiết bị của nhà máy, kịp thời phát hiện khi hệ thống máy móc thiết bị của nhà máy khi bị hư hỏng hoặc vận hành chưa đúng quy chuẩn.

1.2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định:

Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được Chủ đầu tư lập cơ bản phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công.

1.3. Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược; kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành:

Công trình nằm trong khuôn viên nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng, phù hợp với quy hoạch hệ thống thoát nước thành phố, kết cấu công trình tính toán phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Dự án được thiết kế để giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng xấu tới môi trường. Sau khi dự án hoàn thành sẽ tạo được cảnh quan xanh, sạch, cải tạo đáng kể đến môi trường.

1.4. Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án: Dự án hạ tầng kỹ thuật, có tổng mức đầu tư dự kiến 14.870.797.000 đồng, thuộc dự án nhóm C, phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công.

1.5. Những thông số cơ bản của dự án:

- Tổng diện tích 2 hồ khoảng 1,43ha (Dung tích chứa trên 24.000m³ đảm bảo thời gian lưu nước trong 3 ngày khi nhà máy sảy ra sự cố). Một hồ nằm ở phía Tây Bắc và một hồ nằm ở phía Đông Nam nhà máy, hai hồ có nhiệm vụ chứa nước thải khi sảy ra sự cố và được kết nối với nhau bằng một đường ống D300mm, với các kích thước, hình dạng và quy mô kết cấu như sau:

+ Hồ số 1: Nằm ở phía Tây Bắc nhà máy, có hình dạng là một hình đa giác, tận dụng tối đa diện tích trống của nhà máy giáp gianh giới nhà máy với khu dân cư. Diện tích đất xây dựng là 6.596 m². Hồ được nối với hệ thống đường nước vào khu xử lý và đường ống kết nối với hồ số 2; Hồ này có nhiệm vụ chứa nước khi các modul xảy ra sự cố, dung tích chứa của hồ là 11.284 m³

+ Hồ số 2: Nằm ở phía Đông Nam của nhà máy, vị trí gần với đường thoát nước ra khu vực của nhà máy. Hồ số 2 nằm sau khu xử lý và có nhiệm vụ khi các modul sảy ra sự cố sẽ đóng van nước chảy ra môi trường và kết nối với đường ống chảy nước thải ra hồ để chứa. Trong hồ này bố trí thêm một bể quan trắc trước khi tháo nước ra môi trường, diện tích bể quan trắc là 410m². Diện tích tổng thể hồ số 2 là 7.671m²; Dung tích chứa của bể số 2 là 13.300m³.

- Kết cấu thiết kế 2 hồ như sau: Tường mái bờ hồ bố trí dạng mái nghiêng với hệ số mái dốc là m=1,25. Kết cấu bờ hồ gồm 3 lớp: lớp dưới cùng đặt tấm màng chống thấm HDPE dày 2mm sau đó rải cát dày 15cm sau cùng lắp đặt các tấm lát bê tông cốt thép M200 có khóa góc; kích thước tấm (0,5x0,5x0,12)m.

Đáy hồ sau khi tạo phẳng rải vải chống thấm HDPE loại HUITEM 2.0 sau đó rải cát dày 15cm và lắp đặt tấm bê tông M200 dày 15cm chia thành từng ô (2x2)m;

Xung quanh hồ có hệ thống lan can bảo vệ; phía ngoài hàng lan can bố trí đường đi bộ chiều rộng 2m, lát gạch block tự chèn. Trong hồ nuôi thả động thực vật thủy sinh như: Cá các loại, bèo lục bình ... với mật độ bảo đảm không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước thải.

- Phần thiết bị, đường ống: Khi một mô đun của nhà máy cần xử lý sửa chữa bố trí Hai máy bơm có lưu lượng bơm từ 200 đến 300m³/ngày-đêm; Đường ống bơm là hai ống HDPE đường kính D200mm, dài 300m; có nhiệm vụ bơm nước ngược từ hồ về khu vực tiền xử lý của nhà máy để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Các tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7957:2008; Thông tư 31/2016/TT-BTNMT; Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

1.6. Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội:

a. Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội.

- Dự án sẽ giúp bảo vệ môi trường, phát triển bền vững kinh tế xã hội, cải thiện môi trường sinh thái trong khu vực.

- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, tạo cảnh quan đẹp kết hợp với tiềm năng sẵn có của thành phố.

b. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội.

Việc đánh giá chính xác hiệu quả đầu tư cần có quá trình rà soát, nghiên cứu, tính toán cụ thể thông qua quá trình lập dự án đầu tư. Ở đây, chỉ tính toán sơ bộ thông qua khảo sát thực địa và tài liệu về dân sinh, kinh tế - xã hội do địa phương cung cấp;

Vùng dự án thuộc địa giới hành chính phường Gia Sàng. Đây là khu vực có tiềm năng, thế mạnh về phát triển dịch vụ và công nghiệp.

c. Hiệu quả về môi trường: Dự án hoàn thành sẽ góp phần giảm nhẹ các tác hại do sự cố xảy ra tại Nhà máy xử lý nước thải Gia Sàng gây ra; Tránh việc nước thải chưa quan xử lý xả trực tiếp ra Sông Cầu, bảo vệ nguồn nước hạ lưu Sông Cầu.

2. Về quy mô công trình: Thông nhất, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, quy mô của dự án.

3. Thời gian tiến độ thực hiện dự án:

Chủ đầu tư đề nghị:

- Quý II năm 2021 đến quý IV năm 2021: Công tác chuẩn bị đầu tư

- Quý I năm 2022 đến quý IV năm 2022: Thi công và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

Việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án là cần thiết, tuy nhiên cần quan tâm, tính toán đến khả năng cân đối, bố trí vốn, không được để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

4. Về nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn:

4.1. Về nguồn vốn:

Nguồn vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý trong giai đoạn 2022-2024 là phù hợp.

4.2. Về khả năng cân đối vốn:

Nguồn vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý trong giai đoạn 2022-2024 sẽ đảm bảo đối với dự án nhóm C.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

1. Sự phù hợp tiêu chí phân loại dự án: Công trình có tổng mức đầu tư dự kiến là 14.870.797.000 đồng, thuộc dự án nhóm C, phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công.

2. Các nội dung theo quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư công năm 2019:

2.1. Về mục tiêu:

Công trình Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước thải thành phố Thái Nguyên được đầu tư sẽ lưu trữ nước thải trong thời gian 3 ngày khi nhà máy xảy ra sự cố. Hồ sự cố có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, bảo đảm không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

Cải thiện chất lượng nước, giảm thiểu các chất ô nhiễm, ổn định chất lượng dòng nước sau xử lý, không làm ảnh hưởng tới môi trường nước. Tạo cảnh quan, sinh thái cho Nhà máy và khu vực xung quanh; là nơi tiến hành các hoạt động tập huấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

2.2. Về quy mô công trình: Đã được các ngành cho ý kiến, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, quy mô của dự án.

2.3. Thời gian tiến độ thực hiện dự án:

Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên đề nghị thời gian thực hiện trong 02 năm: 2021-2022. Tuy nhiên, kế hoạch đầu tư năm 2021 đã giao hết. Vì vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thời gian thực hiện dự án đầu tư là: 2022-2024 (đảm bảo phù hợp với tiêu chí của dự án nhóm C).

3. Về nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn:

3.1. Về nguồn vốn:

Nguồn vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý trong giai đoạn 2022-2024 là phù hợp.

3.2. Về khả năng cân đối vốn:

Nguồn vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý trong giai đoạn 2022-2024 sẽ đảm bảo đối với dự án nhóm C.

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ:

1. Dự án đầu tư xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước thải thành phố Thái Nguyên đủ điều kiện phê duyệt Chủ trương đầu tư để thực hiện theo quy định.

2. Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên có trách nhiệm tính toán, bố trí vị trí cụ thể cho 02 hồ đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy chuẩn QCVN 01: 2019/BXD-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

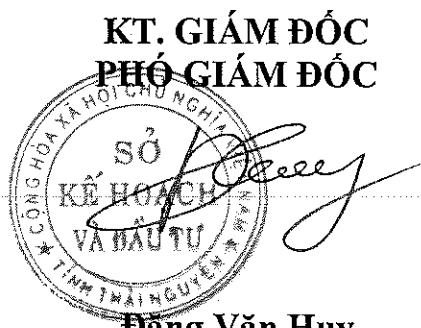
(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 1128/BC-SKHDĐT ngày 10/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Trên đây là ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học cho Hệ thống thoát nước thải thành phố Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- Các Sở: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên;
- Đ/c GD; Đ/c PGD Đ.V. Huy;
- Lưu: VT, THQH; KTN

Thànhtl3b.



Đặng Văn Huy